TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS-PT
Ngày: 23 - 8 - 2023.
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm; Yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất;*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.
Các Thẩm phán: Ông **Hàng Lâm Viên**;
Bà **Trần Thị Dịu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm; Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất"* .

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2023/QĐXXPT-DS ngày 09/8/2023 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Minh T**, sinh năm: 1947 (Có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường N, khu phố A, phường, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Số K, đường C, khu phố N, phường B thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1948 (Có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường N, khu phố A, phường, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

3.2. Bà **Phan Thị N2**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số K, đường C, khu phố N, phường B thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. **Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận**;

Đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Thành P** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tăng Ngọc Q** - Chuyên viên phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Đặng Minh T** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Minh T trình bày:

Ông và vợ là bà Trần Thị Ng1 là chủ sử dụng của thửa đất số 102, tờ bản đồ số 4c có diện tích 526,3m^2 được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi là GCNQSD đất) số S 532864 ngày 01/12/2004 và thửa đất số 197, tờ bản đồ số 4c có diện tích 120,8m^2 được UBND thành phố P cấp giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 952794 ngày 11/3/2013 tại số K đường C, phường B, thành phố P. Đất này vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T năm 1990 và đã trực tiếp quản lý sử dụng đất cho đến nay.

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 4c của ông tiếp giáp với thửa đất số 183, 97 tờ bản đồ số 4c của ông Nguyễn Quang H. Giữa thửa đất số 102 và thửa 183, ông có xây dựng phần móng bằng đá chẻ cỡ 10m để xác định mốc giới, còn ông H thì dựng hàng rào lưới B40. Phần tiếp giáp với thửa 97 thì có hàng rào của ông H dựng lên để ngăn chia các thửa đất. Đến năm 2009 (không nhớ tháng), ông Lâm Vĩnh K thuê thửa đất số 183, 97 của ông H rồi tháo dỡ hàng rào B40 của ông và ông H, xây dựng phần móng nhà bằng đá cỡ 10m từ đất của ông H để ngăn cách với đất của ông. *Sau khi ông K xây móng xác định rõ đất của ai thì đến ngày 01-12-2009, vợ chồng ông đã cho vợ chồng ông Lâm Vĩnh K và bà Nguyễn Thị Quế L thuê thửa đất số 102 trong thời hạn 10 năm để ông Khang mở quán cafe Cỏ Hồng, nhưng trong Hợp đồng thuê ghi mục đích thuê là: trồng cây ăn trái*. Hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông K đã chấm dứt từ năm 2019 và ông K đã giao trả lại đất đã thuê cho vợ chồng ông và ông H. *Tuy nhiên ông K không xác định được ranh giới của các thửa đất để giao trả đất về đúng hiện trạng ban đầu.*

Năm 2020, ông H tự ý xây dựng vách tường bằng gạch và cắm trụ, rào lưới B40 ở phần tiếp giáp với các thửa đất đang tranh chấp nhưng ông H tự xác định ranh giới đất không đúng, đã xây tường gạch và rào lưới B40 vào phần đất của vợ chồng ông.

Ông đã có đơn gửi UBND phường B hòa giải nhưng không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông là 39,5m^2

và tháo dỡ tường gạch 0.05m, hàng rào trụ bê tông lưới B40 đã xây trên đất của ông và xác định ranh giới của hai thửa đất của ông và ông H.

Từ khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn T năm 1990 đến nay ông không khai phá, cơi nới hay nhận chuyển nhượng thêm để tăng diện tích đất của thửa số 102, 197.

Thửa đất số 102 của ông không bị giảm diện tích đất mà tăng hơn 40m^2 so với giấy CNQSD đất được cấp, phần diện tích đất tăng thêm này ông không đi đăng ký kê khai bổ sung và địa phương không biết về phần diện tích tăng thêm này. Phần đất đang tranh chấp mà ông H lấn chiếm của ông thuộc phần đất tăng thêm 40m^2 này. Ông đồng ý với kết quả đo đạc lần 2 vì sử dụng máy, có sự chính xác và đồng ý về diện tích đất tranh chấp thể hiện từ ký hiệu số 1 đến 10 nhưng cơ quan đo đạc lại vẽ phần đất tranh chấp nằm trong giấy CNQSD đất của ông H là không đúng mà phải vẽ nó nằm trong giấy CNQSD đất của ông vì phần đất tranh chấp là đất nằm ngoài giấy CNQSD đất của ông, không được sử dụng giấy CNQSD đất của ông làm số liệu đo vẽ mà phải theo hiện trạng ông đang sử dụng hiện nay. Ông đề nghị đo đạc lại lần 3, xác định thửa đất của ông và ông H dư bao nhiêu m^2 vì kết quả đo đạc thể hiện đất ông H dư nhiều, có lấn chiếm của chủ đất khác.

Ông yêu cầu Toà án xác định ranh giới giữa 02 thửa đất, trả lại phần đất 39,5 m^2 ông H đã rào sang bên đất gia đình ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày:

Ông và vợ là Phan Thị N2đang quản lý và sử dụng của 02 thửa đất số 97, 183 tờ bản đồ số 4c tại phường B tại số K, đường C, khu phố N, phường B, thành phố P. Năm 2009, ông cho ông Lâm Vĩnh K thuê cả 02 thửa đất của ông để mở quán cafe. Trước khi cho ông K thuê đất, ông đã xây dựng 01 căn nhà có móng và hầm rút. Đến năm 2010, ông T cho ông K thuê phần đất trống không có nhà ở tiếp giáp với đất của ông. Khi ông K thuê đất đã đập nhà của ông nhưng vẫn còn phần móng nhà và hầm rút.

Trước khi ông K thuê đất của ông T, để tránh việc lấn chiếm đất giữa hai bên, ông K đã xây dựng 01 hàng móng đá chẻ bên thửa đất của ông để xác định ranh giới, xây dựng năm nào thì ông không nhớ. Năm 2020 kết thúc hợp đồng thuê đất ông K đã trả đất nên ông đã xây dựng hàng rào tiếp giáp với phần móng ông K đã xây dựng. Vì vậy không có việc ông lấn chiếm đất của ông T như ông T đã trình bày. Các buổi hoà giải tại phường, ông đã chỉ mốc giới là phần móng hàng rào của ông K, phường cũng đã kiểm tra thực địa tại đất rồi ông mới xây hàng rào tiếp giáp bên cạnh phần móng này.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông trả lại phần đất đã lấn chiếm là 39.5m^2 và buộc ông tháo dỡ tường gạch 0,05m, hàng rào lưới B40 thì ông không đồng ý vì ông không lấn chiếm đất của ông T.

Theo Bản khai đề ngày 12 - 5 - 2022 và tại phiên toà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N1 trình bày:

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Toà án xác định đúng ranh giới giữa 02 thửa đất, trả lại phần đất 39,5 m^2 ông H đã rào sang bên đất gia đình bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N2 không có bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử như sau:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;Điều 8, 160, 163, 164, 165 của Bộ luật dân sự năm 2015;Điều 12, 166, 170, 179, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh Tvề việc yêu cầu ông Nguyễn Quang H trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, phường B có diện tích 39,5m^2 và tháo dỡ tường gạch 0,05m, hàng rào lưới B40 của ông H.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 19/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2022, Nguyên đơn ông Đặng Minh T làm đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án theo hướng xác định lại ranh giới của hai thửa đất của ông H và của ông. Yêu cầu ông H đưa hàng ranh về đúng vị trí ban đầu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là về ranh giới tường nhà ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tranh luận*:* Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Đề nghị căn cứ theo

Trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận cung cấp để giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tranh luận: đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 22/7/2022 của nguyên đơn ông Đặng Minh T làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn chiếm;Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất"* là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 4c được Ủy ban nhân dân thị xã Phan Rang - Tháp Chàm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 532864 ngày 01-12-2004, toạ lạc tại khu phố 6, phường B, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là của vợ chồng ông Đặng Minh T, bà Trần Thị N do được nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T năm 1990 và vợ chồng ông T đã trực tiếp quản lý và sử dụng đất từ năm 1990 cho đến nay.

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 4c được Ủy ban nhân dân thị xã Phan Rang - Tháp Chàm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 278798 ngày 29-3-2007 và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4c được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BA 208808 ngày 22-01-2010 đều tọa lạc tại khu phố 6, phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là của vợ chồng ông Nguyễn Quang H, bà Phan Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T năm 1990 và vợ chồng ông H đã trực tiếp quản lý và sử dụng đất từ năm 1990 cho đến nay.

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo: buộc bị đơn tháo dỡ tường gạch 0,05m, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo yêu cầu Tòa án đi đo đạc lại. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận: Phần tường xây gạch từ điểm số 27 đến số 34 (theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận) có chiều dài 4,9m, cao 2,5m là nằm bên phía đất của bị đơn, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn. Vì vậy, bác yêu cầu kháng cáo này của phía nguyên đơn.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo: buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào trụ bê tông lưới B40 và trả lại 39,5m^2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 4c được Ủy ban nhân dân thị xã Phan Rang - Tháp Chàm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 532864 cho vợ chồng nguyên đơn ngày 01-12-2004. Thửa đất số 97 tờ bản đồ số 4c tại phường Bảo An được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 278798 cho vợ chồng bị đơn ngày 27-3-2007.

[3.2.2] Tại phiên tòa, bị đơn trình bày: khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 không tiến hành đo đạc thực tế. Tại phiên tòa, đại diện UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xác nhận: khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên bị đơn ông Nguyễn Quang H không có đo đạc chỉ cấp theo Biên bản hiện trạng thửa đất do phường Bảo An xác nhận. Đây là sai sót của UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

[3.2.3] Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận: diện tích của nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng theo hiện trạng đều tăng so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Tuy nhiên, giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn có một phần chồng lấn 19,0m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên nguyên đơn được UBND Thành phố Phan Rang –Tháp Chàm cấp trước (năm 2004) còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bị đơn được cấp sau (năm 2007), khi cấp cho bị đơn không đo đạc thực tế nên xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn được cấp chồng lấn lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn có diện tích 19,0m^2 và phần diện tích đất này phía bị đơn có hàng rào trụ bê bông lưới B40 từ điểm số 35 đến số 44 theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023

của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Vì vậy, buộc bị đơn phải giao trả diện tích đất này cho nguyên đơn là phù hợp.

[3.2.4] Do diện tích chồng lấn giữa 02 giấy chứng nhận có thể điều chỉnh bằng cách đăng ký biến động nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào trụ bê tông lưới B40 có chiều dài 56m và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả đất cho nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí đo đạc và định giá:

Về chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm là 6.100.000đồng. Ông Thư phải chịu và đã nộp đủ số tiền.

Về chi phí đo đạc tại giai đoạn phúc thẩm là 3.000.000 đồng do chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm của nguyên đơn, nên buộc bị đơn ông Hải phải chịu 1.000.000 đồng chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm và buộc ông Hải phải hoàn trả cho ông Thư. Ông T phải chịu 2.000.000 đồng và đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 luật người cao tuổi; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ: Điều 92; Điều 147; Điều 148; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 8, 160, 163, 164, 165 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 12, 166, 170, 179, 203 của Luật đất đai năm 2013; Các điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tháo dỡ tường gạch 0,05m.

Buộc bị đơn phải trả 19,0m^2 đất theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào trụ bê tông lưới B40 có chiều dài 56m và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả đất cho nguyên đơn.

Về chi phí thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm:

Ông H có nghĩa vụ hoàn trả 1.000.000 (*Một triệu*) đồng chi phí thẩm định cho ông T.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký biến động điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(*Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận*).

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Trang